Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 67, No. 8, 350-354

THE EFFECTIVENESS OF SELCOPINTIDE-CONTAINING TOOTHPASTE AMONG PEOPLE WITH DENTIN HYPERSENSITIVITY IN THANH XUAN WARD, HANOI CITY

Dang Duc Nhu[1*], Vu Manh Tuan[2], Luu Van Tuong[1], Nguyen Ngoc Nghia[1], Kyuna Lee[3], Jieun Kim[3], Luong Thi Thu Ha[4] , Phung Xuan Khanh Duy[4], Luu My Ha[4] , Nguyen Trong Khoa[5], Duong Huy Luong[5]

[1]*University of Medicine and Pharmacy-Vietnam national University, 2B Pham Van Dong, Cau Giay ward, Hanoi, Vietnam*
[2]*Hanoi Medical University, 1 Ton That Tung, Kim Lien ward, Hanoi, Vietnam*
[3]*ORION Biologics, Korea*
[4]*Thang Long Institute of Medical and Pharmaceutical Research, TT2-24 Dai Kim new urban area, Dinh Cong ward, Ha Noi*
[5]*Department of Medical Examination and Treatment Management – Ministry of Health, 138A Giang Vo Street, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam*

Received: 10/07/2026
Reviced: 06/08/2026; Accepted: 20/08/2026

ABSTRACT

Objective: To evaluate the effectiveness of a toothpaste containing Selcopintide in reducing dentin hypersensitivity among residents with dentin hypersensitivity in Thanh Xuan Ward, Hanoi, in 2025.
Methods: This was a clinical trial evaluating three types of toothpaste: Selcopintide, Potassium Nitrate, and Fluoride. A total of 156 participants aged 18–65 years were followed up and included in the analysis.

Results: After the intervention, VAS and Schiff scores gradually decreased over time in all three groups under both air-blast and ice-water stimuli. The Selcopintide group showed greater improvement than the two control groups, reaching the highest effectiveness at weeks 3–4 and maintaining good effectiveness until week 5 after switching to Fluoride toothpaste. The reductions in VAS/Schiff scores were 41.00%/32.44% under air-blast stimulation and 48.29%/43.42% under ice-water stimulation. The Potassium Nitrate group showed high effectiveness initially, but its effect decreased after switching to Fluoride toothpaste, while the Fluoride group showed a lower level of improvement. The improvement was statistically significant at most time points, with $p < 0.05$.

Conclusion: Toothpaste containing Selcopintide demonstrated a clear effect in reducing dentin hypersensitivity, maintained stable effectiveness after switching back to Fluoride toothpaste, and shows potential for application in community oral healthcare.

Keywords: Dentin hypersensitivity, Selcopintide, toothpaste, intervention.

*Corresponding author
Email: dangnhu258@yahoo.com **Phone**: (+84) 912186919 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i8.6353

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG KEM ĐÁNH RĂNG CHỨA SELCOPINTIDE Ở NGƯỜI DÂN MẮC NHẠY CẢM NGÀ TẠI PHƯỜNG THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đặng Đức Nhu[1*], Vũ Mạnh Tuấn[2], Lưu Văn Tường[1], Nguyễn Ngọc Nghĩa[1], Kyuna Lee[3], Jieun Kim[3], Lương Thị Thu Hà[4] ,Phùng Xuân Khánh Duy[4], Lưu Mỹ Hà[4] , Nguyễn Trọng Khoa[5], Dương Huy Lương[5]

[1]Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội; Số 2B, Phạm Văn Đồng, phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
[2]Trường Đại học Y Hà Nội – Số 1, Tôn Thất Tùng; phường Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
[3]ORION Biologics, Hàn Quốc
[4]Viện Nghiên cứu Y Dược học Thăng Long – TT2-24 Khu đô thị mới Đại Kim, phường Định Công, Hà Nội
[5]Cục Quản lý Khám chữa bệnh – Bộ Y tế, Số 138A Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội

Ngày nhận bài: 10/07/2026
Ngày chỉnh sửa: 06/08/2026; Ngày duyệt đăng: 20/08/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả sử kem đánh răng chứa Selcopintide ở người dân mắc nhạy cảm ngà tại phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội năm 2025.

Phương pháp: Nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng của loại kem đánh răng Selcopintide, Potassium Nitrate, Flouride trên 156 đối tượng tuổi từ 18 – 65 được theo dõi và đưa vào phân tích.

Kết quả: Sau can thiệp, điểm VAS và Schiff giảm dần theo thời gian ở cả ba nhóm dưới hai kích thích xì hơi và nước đá. Nhóm Selcopintide cải thiện rõ hơn hai nhóm đối chứng, đạt hiệu quả cao nhất tại tuần 3–4 và vẫn duy trì tốt đến tuần 5 sau khi chuyển về kem đánh răng Fluoride, với mức giảm VAS/Schiff là 41,00%/32,44% khi xì hơi và 48,29%/43,42% khi dùng nước đá. Nhóm Potassium Nitrate có hiệu quả cao hơn nhưng khi đổi kem đánh răng Flouride, trong khi nhóm Fluoride có mức cải thiện thấp hơn. Sự cải thiện có ý nghĩa thống kê ở hầu hết các thời điểm, với $p < 0,05$.

Kết luận: Kem đánh răng chứa Selcopintide có hiệu quả giảm nhạy cảm ngà, duy trì ổn định sau khi đổi về kem đánh răng Flouride và có tiềm năng ứng dụng trong chăm sóc răng miệng cộng đồng.

Từ khóa: Nhạy cảm ngà, Kem đánh răng chứa Selcopintide, Can thiệp.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhạy cảm ngà (Dentin hypersensitivity) là tình trạng răng miệng phổ biến, thường gặp ở răng có ngà cổ răng bị lộ, gây đau nhói ngắn mỗi khi có kích thích nhiệt độ, luồng không khí lạnh, áp lực cơ học, hoặc hóa chất(1,2). Nghiên cứu dịch tễ cho thấy tỷ lệ nhạy cảm ngà rất khác nhau tùy quần thể, từ khoảng 10–55% ở nhiều quốc gia(2). Trên thế giới, tỷ lệ mắc nhạy cảm ngà được báo cáo rất đa dạng, dao động từ 10,2% đến 54,9% tùy thuộc vào quần thể nghiên cứu và phương pháp đánh giá. Các nghiên cứu gần đây cho thấy đây là một vấn đề sức khỏe cộng đồng đáng lưu tâm tại nhiều quốc gia như Thổ Nhĩ Kỳ, Brazil và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất(2). Tại Việt Nam, các nghiên cứu trong giai đoạn 2020–2025 cũng ghi nhận tỷ lệ mắc đáng kể, dao động từ 12,5% đến 48,4% tùy theo nhóm tuổi và điều kiện kinh tế xã hội, trong đó nhóm người lớn tuổi và người có điều kiện kinh tế khó khăn thường có tỷ lệ cao hơn. Vấn đề nằm ở chỗ nhạy cảm ngà không chỉ gây khó chịu tức thì mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống, làm giảm khả năng ăn uống thoải mái và gây khó khăn cho việc vệ sinh răng miệng hàng ngày. Mặc dù hiện nay có nhiều loại kem đánh răng chứa các hoạt chất như Potassium Nitrate hay Hydroxyapatite, nhưng hiệu quả của chúng thường chỉ mang tính tạm thời và đòi hỏi phải sử dụng liên tục. Trong bối cảnh này, việc ứng dụng Selcopintide — một peptide có nguồn gốc sinh học có khả năng kích thích tái tạo ngà răng và bít kín các ống ngà một cách bền vững — mở ra một hướng đi mới đầy triển vọng [3]. Sản phẩm kem đánh răng chứa hoạt chất Selcopintide sử dụng trong nghiên cứu này đã được Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp phép lưu hành số 287726/25/CBMP-QLD ngày 26 tháng 8 năm 2025. Để biết hiệu quả sản phẩm kem đánh răng chứa hoạt chất Selcopintide ở người dân Việt Nam như thế nào? Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài "Hiệu quả sử dụng kem đánh răng chứa Selcopintide ở người dân mắc nhạy cảm ngà tại phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội".

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Đối tượng nghiên cứu là người dân đang sinh sống tại phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, có độ tuổi từ 18–65 tuổi và được xác định mắc nhạy cảm ngà. Được tuyển chọn dựa trên tiêu chí: (1) thang VAS ≥ 4 khi kích thích lạnh, (2) răng còn nguyên vẹn không sâu, (3) không dùng sản phẩm kem đánh răng chống nhạy cảm ngà khác trong 1 tháng gần nhất.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Sâu răng, viêm tuỷ, nha chu nặng, dị ứng thành phần kem đánh răng, phụ nữ có thai hoặc cho con bú, không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Thời gian nghiên cứu:

Từ tháng 3 năm 2025 đến tháng 3 năm 2026.

*Tác giả liên hệ
Email: dangnhu258@yahoo.com **Điện thoại**: (+84) 912186919 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i8.6353

2.3. Địa điểm:

Phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2.4. Phương pháp nghiên cứu.

- Thiết kế nghiên cứu: Thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng, mù đơn

- Cỡ mẫu nghiên cứu can thiệp:

$$n = \frac{\left(Z_{\frac{\alpha}{k-1}} + Z_{\beta}\right)^2 \times k \times \sigma^2}{\frac{\sum_{i=1}^{k}(\mu_i - \mu)^2}{k-1}}$$

- n: Cỡ mẫu cần thiết
- $Z_{\frac{\alpha}{k-1}}$: Hệ số tin cậy tương ứng với mức ý nghĩa thống kê đã hiệu chỉnh theo số so sánh cặp (trong phân tích ANOVA) ($Z_{\frac{\alpha}{k-1}}$ = 1,96)
- Z_{β}: Giá trị tới hạn tương ứng với lực của mẫu (1−β) (Z_{β} = 0,84)
- k: Số nhóm so sánh độc lập trong nghiên cứu. (k = 3)
- σ^2: Phương sai chung
- μ_i: Trung bình kế nghiên cứu: Nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng, mù đơn

- Cỡ mẫu nghiên cứu can thiệp: Công thức tính cỡ mẫu cho mỗi nhóm theo ANOVA

- của nhóm thứ i.
- μ: Trung bình cộng của tất cả các nhóm.
- $f = \frac{\sum_{i=1}^{k}(\mu_i - \mu)^2}{k-1}$: Phương sai giữa các nhóm, thể hiện mức độ khác biệt giữa các nhóm về mặt giá trị trung bình. (f = 0,25)

Cỡ mẫu trong nghiên cứu được xác định dựa trên thiết kế so sánh ba nhóm độc lập bằng phân tích phương sai một chiều (One-way ANOVA), với mức ý nghĩa thống kê α = 0,05 và lực mẫu (power) = 0,80. Kích thước hiệu ứng (effect size) được giả định ở mức trung bình (f = 0,25) theo phân loại của Cohen (1988), phù hợp với nghiên cứu của Kang trước đây về kem đánh răng chống ê buốt cho thấy hiệu quả cải thiện vừa phải nhưng có ý nghĩa lâm sàng rõ rệt(4).

⇒ Vậy cỡ mẫu cần thiết là 153 người trên thực tế 156 người.

- Phương pháp chọn mẫu

+ Phương pháp chọn mẫu: 156 người bị nhạy cảm ngà (T0) đã được đưa vào danh sách theo dõi và tái khám theo đúng qui trình về thời gian và kỹ thuật chuyên môn. Phân bổ ngẫu nhiên 1:1:1 vào ba nhóm: kem đánh răng I3IO (kem đánh răng thử nghiệm chứa Selcopintide), nhóm đối chứng dương (kem đánh răng chứa Potassium Nitrate), và nhóm đối chứng âm (kem đánh răng fluoride thông thường). Các đối tượng không biết nhãn các tuýp kem; chỉ điều phối viên thử nghiệm biết mã nhóm. Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp bốc thăm ngẫu nhiên để phân bổ người tham gia bị nhạy cảm ngà vào các nhóm, đảm bảo cân bằng giữa ba nhóm theo bảng sau:

Nhóm	Đối tượng
① Kem đánh răng I3IO (54 người)	Người được chẩn đoán mắc nhạy cảm ngà được sử dụng kem đánh răng chứa thành phần Selcopintide
② Kem đánh răng đối chứng dương (51 người)	Người được chẩn đoán mắc nhạy cảm ngà được sử dụng kem đánh răng chứa thành phần Potassium Nitrate
③ Kem đánh răng đối chứng âm (51 người)	Người được chẩn đoán mắc nhạy cảm ngà được sử dụng kem đánh răng thông thường chứa thành phần Flouride

2.5. Các chỉ số đánh giá

a) Chỉ số VAS

Thang VAS (Visual Analogue Scale) được trình bày dưới dạng một thước thẳng có chiều dài từ 0-100mm, biểu hiện mức độ đau răng tăng dần từ 0-10.

b) Thang đo Schiff

0: Không có phản ứng với kích thích bằng luồng hơi.

1: Có phản ứng với kích thích bằng luồng hơi nhưng không yêu cầu dừng kích thích.

2: Có phản ứng với kích thích bằng luồng hơi và yêu cầu dừng kích thích hoặc rút lui.

3: Cảm nhận đau dữ dội, đánh giá kích thích là gây đau và yêu cầu dừng kích thích.

2.6. Phương pháp đánh giá

2.6.1. Thử nghiệm xì hơi:

Dùng ống xịt hơi nha khoa: áp suất 60 psi (±5), nhiệt độ 21°C, xịt 1 giây.

Khoảng cách 1 cm, xịt vuông góc vào vùng cổ răng hở.

Cách ly răng bằng ngón tay/cuộn bông.

Bệnh nhân phản hồi ngay lập tức.

2.6.2. Thử nghiệm nước đá:

Sử dụng xi lanh 1 mL chứa nước đá tan (~4°C).

Cách ly răng mục tiêu, nhỏ 1–2 giọt (0.2 mL) lên vùng ngà hở.

Quan sát phản ứng và hỏi cảm giác nhạy cảm ngà.

2.6.3. Tiêu chuẩn thời gian đánh giá trong quá trình can thiệp:

Các đối tượng được khám, tái khám và đánh giá tại các mốc. Các đánh giá được thực hiện trước can thiệp (T0) và các thời điểm sau: 4 ngày (T1), 8 ngày (T2), tuần 2 (T3), tuần 3 (T4) và tuần 5 (T5).

2.7. Phương pháp thu thập thông tin:

- Đối với nghiên cứu can thiệp: Tất cả người mắc nhạy cảm ngà được sử dụng kem đánh răng và được theo dõi, khám lại (tái khám) vào các thời điểm T0, T1, T2, T3, T4, T5 và tổng hợp kết quả khám theo phiếu khám.

- Nghiên cứu viên bao gồm các bác sĩ chuyên khoa Răng hàm mặt của Trường Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Y Dược – ĐHQGHN, Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt - Nha khoa Việt Tín (được cấp phép hoạt động số 3839/HNO-GPHĐ ngày 08 tháng 08 năm 2024) đã được tập huấn về thu thập số liệu được và thực hiện theo cho phép theo văn bản số 6143/SYT-NVY ngày 04/11/2025 của Sở Y tế Hà Nội.

2.8. Xử lý, phân tích số liệu:

Làm sạch số liệu trước khi nhập vào máy tính, nhập liệu bằng phần mềm thống kê Kobotoolbox và phân tích xử lý bằng phần mềm SPSS 27.0. Sử dụng phép thống kê mô tả và suy luận. Sử dụng test thống kê T-Test ghép cặp, Chi bình phương, One way ANOVA test, Kruskal-Wallis test, ý nghĩa thống kê với p<0,05.

2.9. Đạo đức nghiên cứu:

Người tham gia nghiên cứu đồng ý bằng bản cam kết. Người tham gia được giải thích rõ mục đích, những lợi ích, rủi ro trong nghiên cứu. Đề cương nghiên cứu được thông qua Hội đồng Đạo đức số 01.25/GCN-HĐĐĐNCYSH-IMP và được Sở Y tế cấp phép số 6143/SYT-NVY.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tổng cộng 156 đối tượng hoàn thành thử nghiệm.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học (n = 156)

Hạng mục	Phân loại	SL (n)	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	59	37,8
	Nữ	97	62,2
Tuổi	18–29	32	20,5
	30–39	28	17,9
	40–49	49	31,4
	50–65	47	30,1
Nghề nghiệp	Công chức, viên chức và hưu trí	41	26,3
	Lao động kinh doanh	55	35,3
	Học sinh/sinh viên	20	12,8
	Nội trợ	4	2,6
	Khác/không ghi rõ	36	23,1
Trình độ học vấn	THCS	11	7,1
	THPT	43	27,6
	Đại học/sau đại học	90	57,7
	Không rõ/khác	12	7,7
Tổng		156	100,0

Nhận xét: Trong 156 đối tượng hoàn thành nghiên cứu, nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới, với 62,2%. Nhóm tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất là 40–49 tuổi với 31,4%, tiếp theo là nhóm 50–65 tuổi với 30,1%. Về nghề nghiệp, nhóm lao động kinh doanh chiếm tỷ lệ cao nhất (35,3%), tiếp theo là nhóm công chức, viên chức và hưu trí (26,3%). Trình độ học vấn chủ yếu là đại học/sau đại học (57,7%).

Bảng 2. Kết quả T0 theo chỉ số VAS và Schiff (n = 156)

Chỉ số đánh giá	Selcopintide (n=54)	Potassium Nitrate (n=51)	Fluoride (n=51)	p
VAS xì hơi T0	5,56 ± 1,21	4,10 ± 0,94	5,67 ± 0,97	<0,001*
Schiff xì hơi T0	1,31 ± 0,67	1,75 ± 0,52	1,71 ± 0,50	<0,001*
VAS nước đá T0	4,33 ± 0,89	5,41 ± 1,37	5,18 ± 1,26	<0,001*
Schiff nước đá T0	1,61 ± 0,71	1,43 ± 0,76	1,29 ± 0,64	0,072**

**Oneway - Anova, **Kruskal – Wallis*

Nhận xét: Tại thời điểm ban đầu T0, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa ít nhất một trong ba nhóm kem đánh răng đối với các chỉ số VAS xì hơi, Schiff xì hơi và VAS nước đá với p<0,001. Riêng chỉ số Schiff nước đá không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa ba nhóm, với p=0,072.

Bảng 3. Hiệu quả của từng loại thành phần kem đánh răng (n=156)

Thời điểm		VAS			Schiff		
Loại kem đánh răng		Selcopintide	Potassium Nitrate	Flouride	Selcopintide	Potassium Nitrate	Flouride
Xì hơi	T4 (Đổi về kem đánh răng Flouride)	43,00*	52,17*	18,65*	33,79*	55,08*	23,13*
	T5	41,00*	5,32	12,82*	32,44*	29,58*	24,24*
Nước đá	T4 (Đổi về kem đánh răng Flouride)	51,71*	77,17*	24,31*	40,25*	42,68*	16,14*
	T5	48,29*	30,80*	18,61*	43,42*	38,79*	19,51*

**T-Test ghép cặp so với T0 với P<0,05*

Nhận xét: Hiệu quả cải thiện nhạy cảm ngà tăng dần theo thời gian ở cả ba nhóm, rõ nhất tại T4. Thời điểm kết thúc giai đoạn sử dụng kem đánh răng theo phân nhóm và chuyển về sử dụng kem đánh răng Fluoride tại T4, nhằm phản ánh khả năng duy trì hiệu quả. Nhóm Selcopintide vẫn duy trì hiệu quả tốt đến T5, với mức giảm VAS xì hơi 41,00%, VAS nước đá 48,29%, Schiff xì hơi 32,44% và Schiff nước đá 43,42%, đều có ý nghĩa thống kê với p<0,05. Ngược lại, nhóm Potassium Nitrate tuy đạt hiệu quả cao tại T3–T4 nhưng sau khi đổi kem, hiệu quả giảm rõ tại T5, đặc biệt VAS xì hơi chỉ còn giảm 5,32% và không có ý nghĩa thống kê, p>0,05. Nhóm Fluoride có cải thiện nhưng mức hiệu quả thấp hơn; riêng Schiff nước đá tại T1 và T3 không có ý nghĩa thống kê với p>0,05.

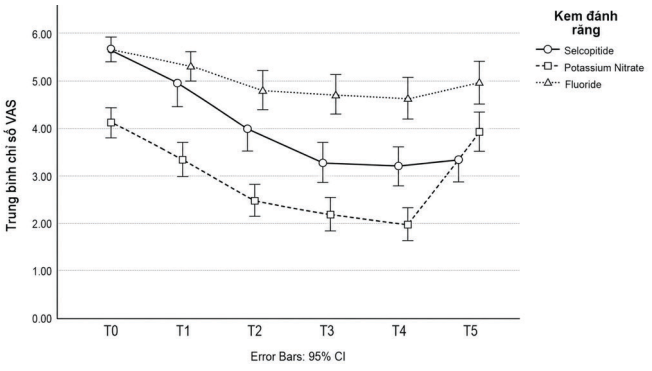

Biểu đồ 1. Chỉ số VAS sử dụng kích thích xì hơi lạnh

Nhận xét: Biểu đồ cho thấy điểm VAS xì hơi giảm dần từ T0 đến T4 ở cả ba nhóm, phản ánh hiệu quả cải thiện nhạy cảm ngà trong giai đoạn sử dụng kem theo phân nhóm. Sau thời điểm T4 chuyển về kem đánh Flouride, nhóm Selcopintide duy trì xu hướng ổn định, điểm chỉ tăng nhẹ tại T5. Trong khi đó, nhóm Potassium Nitrate tăng trở lại rõ rệt sau khi đổi kem, cho thấy hiệu quả duy trì kém hơn. Nhóm Fluoride giảm chậm hơn và có xu hướng tăng nhẹ lại ở T5.

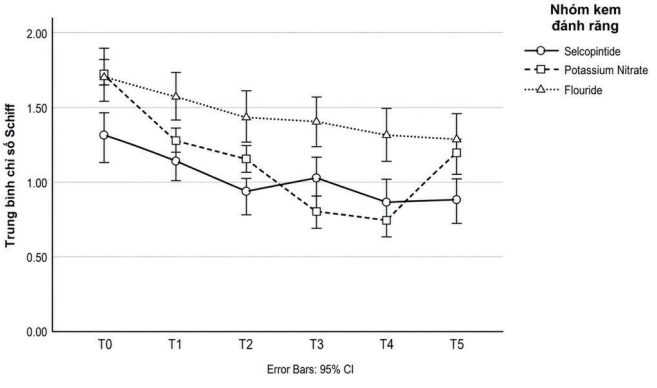

Biểu đồ 2. Chỉ số Schiff sử dụng kích thích xì hơi lạnh

Nhận xét: Điểm Schiff xì hơi cũng giảm dần từ T0 đến T4, cho thấy mức độ đáp ứng với kích thích xì hơi được cải thiện theo thời gian. Sau khi chuyển về kem đánh Flouride tại T4, nhóm Selcopintide gần như duy trì được hiệu quả đến T5. Nhóm Potassium Nitrate có xu hướng tăng điểm trở lại rõ hơn sau đổi kem, trong khi nhóm Fluoride thay đổi ít và mức cải thiện nhìn chung chậm hơn.

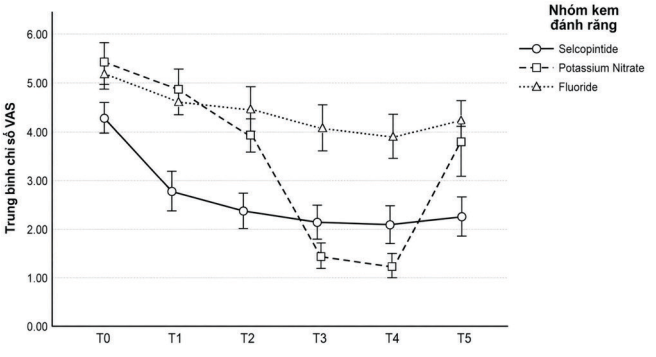

Hình 3. Chỉ số VAS sử dụng kích thích nước đá lạnh

Nhận xét: Ở biểu đồ VAS nước đá, nhóm Selcopintide giảm nhanh từ giai đoạn đầu và duy trì mức điểm thấp khá ổn định qua các thời điểm. Nhóm Potassium Nitrate giảm rất mạnh đến T4, nhưng sau khi chuyển về kem đánh Fluoride, điểm tăng trở lại rõ tại T5. Nhóm Fluoride có xu hướng giảm đều hơn nhưng mức giảm chậm và không rõ bằng hai nhóm còn lại.

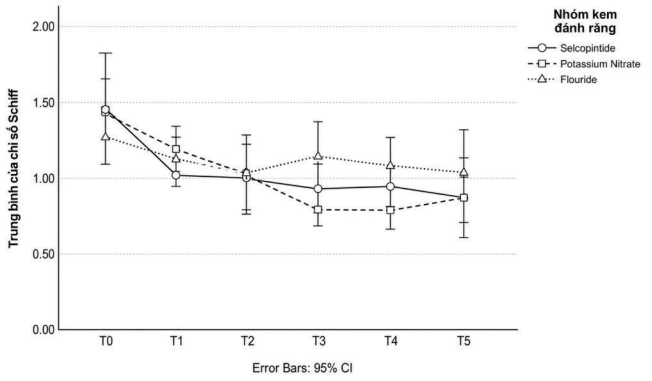

Hình 4. Chỉ số Schiff sử dụng kích thích nước đá lạnh

Nhận xét: Biểu đồ Schiff nước đá cho thấy cả ba nhóm đều có xu hướng giảm điểm so với ban đầu. Sau thời điểm T4 chuyển về kem đánh Fluoride, nhóm Selcopintide vẫn duy trì xu hướng ổn định. Nhóm Potassium Nitrate có tăng nhẹ nhưng không bật lại mạnh như ở chỉ số VAS. Nhóm Fluoride thay đổi ít hơn và hiệu quả nhìn chung thấp hơn.

4. BÀN LUẬN

Về đặc điểm nhân khẩu học, trong 156 người hoàn thành thử nghiệm, nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn nam giới, với 62,2%; nhóm tuổi tập trung chủ yếu ở nhóm trung niên và lớn tuổi, trong đó nhóm 40–49 tuổi chiếm 31,4% và nhóm 50–65 tuổi chiếm 30,1%. Phân bố này cho thấy nhạy cảm ngà trong mẫu nghiên cứu gặp nhiều ở nhóm từ 40 tuổi trở lên. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Đỗ Thị Thu Hương và cộng sự (2022) tại Hà Nội, trong đó nhạy cảm ngà được ghi nhận ở nhóm người trưởng thành và nhóm từ 40 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ đáng kể (5). Bên cạnh đó, nghiên cứu của Lưu Văn Tường và cộng sự (2022) cũng cho thấy tỷ lệ nhạy cảm ngà cao ở nhóm người cao tuổi trên 65 tuổi, đạt 48,4%, gợi ý rằng nhạy cảm ngà có xu hướng tăng ở các nhóm tuổi lớn hơn (6). Sự tập trung của mẫu nghiên cứu ở nhóm 40–65 tuổi có thể được giải thích bởi quá trình tích lũy các tổn thương răng miệng theo thời gian như tụt lợi, mòn cổ răng, mài mòn do chải răng và lộ ống ngà. Khi các ống ngà bị lộ, các kích thích như xì hơi hoặc nước lạnh dễ gây dịch chuyển dịch trong ống ngà, từ đó tạo cảm giác ê buốt.

Về hiệu quả lâm sàng, cả ba nhóm kem đánh răng đều ghi nhận xu hướng cải thiện nhạy cảm ngà theo thời gian ở hầu hết các chỉ số VAS và Schiff, ở cả hai kích thích xì hơi và nước đá. Kết quả này phù hợp với cơ chế bệnh sinh của nhạy cảm ngà theo thuyết thủy động học, trong đó việc giảm tính thấm ngà, bít kín ống ngà hoặc giảm dẫn truyền kích thích thần kinh đều có thể làm giảm cảm giác ê buốt (1). Tuy nhiên, hiệu quả giữa các nhóm có sự khác biệt. Nhóm Potassium Nitrate cải thiện nhanh và rõ trong giai đoạn còn sử dụng sản phẩm, phù hợp với cơ chế làm giảm tính hưng phấn của sợi thần kinh trong phức hợp ngà – tủy; nhưng sau khi chuyển về kem đánh răng Fluoride tại T4, hiệu quả giảm rõ tại T5, đặc biệt VAS xì hơi chỉ còn giảm 5,32% và không có ý nghĩa thống kê. Ngược lại, nhóm Selcopintide duy trì hiệu quả ổn định hơn sau khi đổi kem Flouride, với mức giảm tại T5 đạt 41,00%/32,44% đối với VAS/Schiff xì hơi và 48,29%/43,42% đối với VAS/Schiff nước đá, đều có ý nghĩa thống kê. Kết quả này phù hợp với bằng chứng về Selcopintide cho thấy hoạt chất này không chỉ hướng tới bít kín ống ngà mà còn có tiềm năng hỗ trợ hình thành ngà mới và giảm rò rỉ dịch ngà, qua đó tạo hiệu quả duy trì tốt hơn so với các cơ chế tác động chủ yếu trên bề mặt hoặc thần kinh đơn thuần(7). Nhóm Fluoride cũng có cải thiện nhưng mức độ thấp hơn, tại T5 chỉ đạt 12,82–24,24% với kích thích xì hơi và 18,61–19,51% với kích thích nước đá. Kết quả này phù hợp với kết quả tổng quan hệ thống của tác giả Martins (2020) khi đa số các kem đánh răng này có hiệu quả vượt trội hơn kem đánh răng có thành phần Flouride (7).

Sự khác biệt này được lý giải về mặt cơ chế. Theo tổng quan gần đây, potassium nitrate chủ yếu làm "tê" sợi thần kinh bằng cách tăng ngưỡng đau của sợi thần kinh trong ống ngà; do đó hiệu quả có thể phụ thuộc vào việc dùng liên tục, kết quả này tương đồng với tổng quan hệ thống. Sodium fluoride giúp lắng đọng khoáng và bít ống ngà ở mức bề mặt, nhưng hiệu quả của fluoride thông thường trên DH nhìn chung khiêm tốn; tổng quan hệ thống ghi nhận không có khác biệt có ý nghĩa giữa fluoride và giả dược (8). Trái lại Selcopintide có khả năng tạo hiệu ứng "bít kín ngà sinh học" thông qua quá trình hình thành ngà thứ phát/ngà ống mới. Nghiên cứu đầu tiên trên người năm 2025 cũng ghi nhận selcopintide an toàn, dung nạp tốt và bước đầu có hiệu quả trong điều trị nhạy cảm ngà. Vì vậy, ưu thế duy trì hiệu quả của Selcopintide sau khi đổi kem trong nghiên cứu này là có cơ sở sinh học phù hợp (3).

5. KẾT LUẬN

Kem đánh răng chứa Selcopintide cải thiện rõ hơn so với 2 nhóm đối chứng. Hiệu quả tăng dần và đạt cao nhất ở tuần 3–4 trước và được duy trì ổn định khi chuyển về sử dụng kem đánh răng Flouride, nhóm Selcopintide vẫn duy trì hiệu quả tốt đến tuần 5 (VAS/Schiff là 41%/32,4% khi xì hơi và 48,3%/43,4%). Kem đánh răng này là có thể ứng dụng rộng rãi để cải thiện tình trạng nhạy cảm ngà trong cộng đồng.

6. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Tập đoàn ORION, ORION Biologics đã tài trợ kinh phí và cung cấp kem đánh răng phục vụ thử nghiệm lâm sàng đánh giá hiệu quả sử dụng của kem đánh răng hỗ trợ giảm nhạy cảm ngà; sản phẩm đã được công bố ngày 26/8/2025 theo Phiếu công bố số 287726/25/CBMP-QLD của Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế. Nhóm nghiên cứu cũng trân trọng cảm ơn Viện Nghiên cứu Y Dược học Thăng Long, Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt – Nha khoa Việt Tín, Đại học Y Hà Nội và Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội đã phối hợp triển khai nghiên cứu theo Văn bản số 6143/SYT-NVY ngày 04/11/2025 của Sở Y tế Hà Nội.

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Walters PA. Dentinal Hypersensitivity: A Review. J Contemp Dent Pract. Tháng Năm 2005;6(2):107–17. doi:10.5005/jcdp-6-2-107
[2] Favaro Zeola L, Soares PV, Cunha-Cruz J. Prevalence of dentin hypersensitivity: Systematic review and meta-analysis. J Dent. 1 Tháng Hai 2019;81:1–6. doi:10.1016/j.jdent.2018.12.015
[3] Lee MJ, Lee YS, Park J, Kim HC, Park SH, Lee H, và c.s. First-In-Human Study of Safety, Tolerability, Efficacy, and Pharmacokinetics of CPNE7-Derived Peptide (Selcopintide) for Dentin Hypersensitivity. Clin Transl Sci. 18 Tháng Tám 2025;18(8):e70326. doi:10.1111/cts.70326 PubMed PMID: 40826923; PubMed Central PMCID: PMC12361636.
[4] Kang HK, Kim YR, Lee JY, Kim DJ, Kim YW. Clinical Investigation of Bioelectric Toothbrush for Dentin Hypersensitivity Management: A Randomized Double-Blind Study. Bioengineering. Tháng Chín 2024;11(9):9. doi:10.3390/bioengineering11090923
[5] Đỗ Thị Thu Hương, Trịnh Đình Hải, Đinh Hồng Diệu, Trần Thị Ngọc Anh, Trương Thị Mai Anh, Vũ Phương Lê. Thực trạng nhạy cảm ngà trên nhân viên công ty HANVICO – Hà Nội. Tạp Chí Học Việt Nam. 25 Tháng Tư 2022;512(1):1. doi:10.51298/vmj.v512i1.2204
[6] Lưu Văn Tường, Đặng Minh Quang, Nguyễn Anh Chi, Phạm Thị Thu Hiền, Đào Thị Dung. Thực trạng nhạy cảm ngà và một số yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại phường Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội năm 2022. Tạp Chí Học Việt Nam. 26 Tháng Tám 2022;517(2):2. doi:10.51298/vmj.v517i2.3288
[7] Martins CC, Firmino RT, Riva JJ, Ge L, Carrasco-Labra A, Brignardello-Petersen R, và c.s. Desensitizing Toothpastes for Dentin Hypersensitivity: A Network Meta-analysis. J Dent Res. Tháng Năm 2020;99(5):514–22. doi:10.1177/0022034520903036 PubMed PMID: 32037944.
[8] Ml H, G Z, H L, M Y, Yd Z, Jm H. Network meta-analysis on the effect of desensitizing toothpastes on dentine hypersensitivity. J Dent. Tháng Chín 2019;88. doi:10.1016/j.jdent.2019.07.008 PubMed PMID: 31325467.